

Số: /BHXH-GĐĐT
V/v hướng dẫn bổ sung Công văn số
2456/BHXH-GĐĐT ngày 12/8/2021
của BHXH Việt Nam

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an Nhân dân.

(Sau đây gọi chung là BHXH các tỉnh)

Ngày 12/8/2021, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Công văn số 2456/BHXH-GĐĐT về việc hướng dẫn khai thác, liên thông dữ liệu phục vụ phòng chống dịch bệnh Covid-19 và thanh toán BHYT, BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung như sau:

1. Tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn số 2456/BHXH-GĐĐT:

a) Bổ sung thêm điểm 2.2, mục 2: Trường hợp cơ sở khám, chữa bệnh lấy mẫu đơn và thực hiện xét nghiệm tại cơ sở.

b) Bổ sung thêm điểm 2.3, mục 2: Trường hợp cơ sở lấy mẫu gộp, thực hiện xét nghiệm tại cơ sở hoặc chuyển đi thực hiện tại cơ sở khác.

c) Bổ sung thêm tiết c, điểm 3.3, mục 3: Xét nghiệm gộp mẫu tại cơ sở khác.

d) Bổ chỉ tiêu DON_GIA tại tiết b, điểm 3.3 mục 3: do chỉ tiêu này không được Bộ Y tế hướng dẫn trong Công văn số 5825/BYT-BH ngày 21/7/2021, đề nghị các cơ sở KCB ghi theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 4356/BYT-BH ngày 28/5/2021.

(Phụ lục chi tiết gửi kèm Công văn này)

2. Tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn số 2456/BHXH-GĐĐT:

Tiêu đề cột số 2 (Nội dung) ghi “Nội dung tại Quyết định 16/QĐ-BYT”, điều chỉnh thành “Nội dung tại Quyết định số 3416/QĐ-BYT.”

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề nghị BHXH các tỉnh, thành phố phối hợp với cơ sở KCB thực hiện mã hóa theo nội dung hướng dẫn tại Công văn 2456/BHXH-GĐĐT ngày 12/8/2021 của BHXH Việt Nam và các văn bản hướng dẫn mã hóa của Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị: CSYT, TTKT, KTNB, TCKT, CNTT;
- Lưu: VT, GĐĐT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Lương Sơn

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG HƯỚNG DẪN HIỆN HÀNH VỀ MÃ HÓA XÉT NGHIỆM,
VẬT TƯ Y TẾ CHẨN ĐOÁN COVID-19, MÃ HÓA KHI CẤP PHÁT THUỐC ĐIỀU TRỊ DÀI NGÀY**
(Ban hành kèm theo Công văn số /BHXH-GĐĐT ngày tháng 8 năm 2021 của BHXH Việt Nam)

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		Căn cứ
C	Mã hóa xét nghiệm COVID-19 theo Công văn số 5825/BYT-BH; 6459/BYT-BH					
2	Xét nghiệm kháng nguyên phát hiện SARS-CoV-2 trên máy miễn dịch					
2.2	Trường hợp cơ sở KCB lấy mẫu đơn và thực hiện xét nghiệm tại cơ sở				Điểm a Mục 2	
a	Lấy mẫu xét nghiệm	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.SC2.B1	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.S C2.B1	Điểm a Mục 2
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	Tên dịch vụ 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu đơn'	
			DON_GIA	Đơn giá ghi 100.000	Đơn giá ghi 100.000	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
b	Test kháng nguyên (sinh phẩm chẩn đoán)	Bảng 3	MA_VAT_TU	'KN.SYYYY.ZZZZ.24.0110.1717' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BHYT cấp SDK lưu hành; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số đăng ký) hoặc 'KN.GYYYY.ZZZZ.24.0110.1717' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BHYT cấp giấy phép nhập khẩu; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số giấy phép NK)		
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm		
			DON_GIA	Đơn giá theo KQTT		

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				Căn cứ
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		
			SO_LUONG	Ghi 1		
			TT_THAU	ghi XXXX.YY.Z (trong đó XXXX là năm ban hành QĐ, YY là số gói thầu, Z là số QĐ trúng thầu)		
2.3	Trường hợp lấy mẫu gộp					
a	Dịch vụ lấy mẫu	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.SC2.BN	Mã dịch vụ: 24.0110.1717.S C2.BN	Điểm b Mục 2
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu gộp'	Tên dịch vụ: 'Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm mẫu gộp'	
			DON_GIA	Đơn giá ghi 100.000	Đơn giá ghi 100.000	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1		
b	Test kháng nguyên (sinh phẩm chẩn đoán) thực hiện xét nghiệm tại cơ sở	Bảng 3	MA_VAT_TU	'KN.SYYYY.ZZZZ.24.0110.1717' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp SDK lưu hành; YYYYY là năm, ZZZZ là số trong số đăng ký) hoặc 'KN.GYYYY.ZZZZ.24.0110.1717' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp giấy phép nhập khẩu; YYYYY là năm, ZZZZ là số trong số giấy phép NK)		
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm		
			DON_GIA	Đơn giá theo KQTT		
			SO_LUONG	Ghi 1/số mẫu gộp		
			TT_THAU	Ghi XXXX.YY.Z (trong đó XXXX là năm ban hành QĐ, YY là số gói thầu, Z là số QĐ trúng thầu)		

TT	Trường hợp áp dụng	Mã hóa dữ liệu				
		Dữ liệu đề nghị thanh toán (XML)			Danh mục	
		Bảng	Chỉ tiêu	Diễn giải		Căn cứ
c	Test kháng nguyên (sinh phẩm chẩn đoán) thực hiện xét nghiệm tại cơ sở khác	Bảng 3	MA_VAT_TU	'KN.SYYYY.ZZZZ.24.0110.1717.K.XXXXX' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp SDK lưu hành; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số đăng ký, XXXXX là mã CSKCB thực hiện xét nghiệm) hoặc 'KN.GYYYY.ZZZZ.24.0110.1717.K.XXXXX' (đối với sinh phẩm chẩn đoán được BYT cấp giấy phép nhập khẩu; YYYY là năm, ZZZZ là số trong số giấy phép NK, XXXXX là mã CSKCB thực hiện xét nghiệm)		Điểm c Mục 2
			TEN_VAT_TU	Ghi tên thương mại của sinh phẩm		
			DON_GIA	Đơn giá theo KQTT		
			SO_LUONG	Ghi 1/số mẫu gộp		
			TT_THAU	ghi XXXX.YY.Z (trong đó XXXX là năm ban hành QĐ, YY là số gói thầu, Z là số QĐ trúng thầu)		
3	Xét nghiệm Real-Time PCR					
3.3	Trường hợp cơ sở KCB lấy mẫu gộp					
c	Xét nghiệm gộp mẫu tại cơ sở khác	Bảng 3	MA_DICH_VU	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.SC2.XN.K.XXXXX'" (trong đó XXXXX: mã cơ sở KCB thực hiện xét nghiệm)	Mã dịch vụ: '24.0235.1719.S C2.XN.K.XXX XX'	
			TEN_DICH_VU	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	Tên dịch vụ: 'Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR'	
			SO_LUONG	Số lượng ghi 1/số mẫu gộp (1 chia cho số lượng gộp mẫu)		

